

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Lê Đình Khôi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Anh Đặng Quốc T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp N, xã X, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 02 năm 2022 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Ngọc T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1997 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chị và anh T chung sống đến đầu năm 2007 xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống và không còn hòa hợp, dẫn đến tình cảm không còn, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Ngọc T.

- Về nuôi con: Có 02 (Hai) con chung là Đặng H Q, sinh ngày 13/6/1998 và Đặng Quốc Huy H, sinh ngày 13/10/2000. Các con chung đã thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản: Chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh T không đến Tòa án tham gia tố tụng, Tòa án đã đến trực tiếp tại địa phương nhưng không gặp được anh T do anh T vắng mặt nên không thu thập được lời khai của bị đơn.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là vợ chồng. Về con chung: Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân, nên không đề nghị xem xét. Về tài sản chung và không có nợ chung chị L kê khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không ghi nhận ý kiến gì của anh T về tài sản chung và nợ chung nên khi nào có tranh chấp sẽ xem xét bằng vụ án khác. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Đặng Quốc T có nơi cư trú tại xã X, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Đặng Quốc T. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự chị L là nguyên đơn và anh T là bị đơn, theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có đăng ký kết hôn, đồng thời nguyên đơn có mặt tại phiên họp và bị đơn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên không được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của ông bà đến năm 2007 thì không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm, không hòa hợp, thường hay cự cãi do ghen tuông vô cớ, anh chị đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau cho đến nay.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cũng thể hiện phù hợp với lời khai của các đương sự. Mặc dù anh chị đủ điều kiện kết hôn nhưng lại chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào khoản 1, Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; điểm b Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016, Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là vợ chồng.

- Về nuôi con: Chị L và anh T có 02 (Hai) con chung là Đặng H Q, sinh ngày 13/6/1998 và Đặng Quốc Huy H, sinh ngày 13/10/2000 đã thành niên và đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản: Chị L trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 và Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm b Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Đặng Quốc T là vợ chồng.

2. Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Đặng Quốc T có 02 con chung là Đặng H Q, sinh ngày 13/6/1998 và Đặng Quốc Huy H, sinh ngày 13/10/2000 đã thành niên, có đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002316 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND các xã P và xã X;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Phi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Phi

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND các xã P và xã X;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Phi

